

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách
nhà nước Quý 2 (6 tháng) năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/ 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/TT-2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Hôm nay, Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 7 năm 2025

Địa điểm: Trụ sở làm việc số 9 Hoàng Diệu, phường Ba Đình - Hà Nội.

I. Thành phần gồm có:

1. Đ/c Nguyễn Thanh Quang - Bí thư Đảng bộ - Giám đốc Trung tâm;
2. Đ/c Nguyễn Hồng Chi – Phó Giám đốc – Chủ tịch Công đoàn;
3. Đ/c Hoàng Thu Thủy – Phó Chánh Văn phòng - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
4. Cù Thị Thu Thúy – Bí thư Đoàn thanh niên.

II. Nội dung niêm yết:

1. Niêm yết Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 2 (6 tháng) năm 2025 của Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội.
2. Thời gian niêm yết từ 8h00 ngày 04/7/2025 đến 17h00 ngày 04/8/2025.
3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin của Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội.





**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Chi



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Quang

BAN THANH TRA NHÂN DÂN

TRƯỞNG BAN

Hoàng Thu Thủy

TM. ĐOÀN THANH NIÊN

BÍ THƯ

Cù Thị Thu Thúy



BIÊN BẢN

**Về việc kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi
ngân sách nhà nước Quý 2 (6 tháng) năm 2025**

Hôm nay, vào hồi 17 giờ 05 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2025

Địa điểm: Trụ sở làm việc số 9 Hoàng Diệu, phường Ba Đình, Hà Nội.

I. Thành phần gồm có:

- Đ/c Nguyễn Thanh Quang - Bí thư Đảng bộ - Giám đốc Trung tâm;
- Đ/c Nguyễn Hồng Chi - Phó Giám đốc - Chủ tịch Công đoàn;
- Đ/c Hoàng Thu Thủy – Phó Chánh Văn phòng - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
- Cù Thị Thu Thủy - Bí thư Đoàn thanh niên.

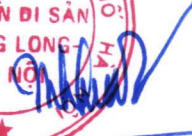
II. Nội dung:

- Ngày 04/7/2025 Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội đã có biên bản công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 2 (6 tháng) năm 2025. Đến ngày 04/8/2025 kết thúc công khai tình hình thực hiện dự toán quý 1 (6 tháng) năm 2025.
- Trong thời gian niêm yết công khai từ ngày 4/7/2025 đến ngày 4/8/2025 không nhận được phản ánh nào của cán bộ, viên chức, người lao động Trung tâm.

Biên bản kết thúc niêm yết công khai được lập vào hồi 17h05 cùng ngày/.

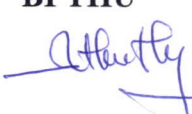

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Chi


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Quang

**BAN THANH TRA NHÂN DÂN
TRƯỞNG BAN**

Hoàng Thu Thủy

**TM. ĐOÀN THANH NIÊN
BÍ THƯ**

Cù Thị Thu Thủy

Mã chương: 599

**Đơn vị báo cáo: Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long
Hà Nội**

Mã ĐVQHNS: 1089081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH QUÍ 2 (6 THÁNG) NĂM 2025

A. TÌNH HÌNH CHUNG

*** Đánh giá chung:**

Năm 2025 UBND Thành phố Hà Nội giao dự toán ngân sách cho Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội để thực hiện các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy di sản Hoàng thành Thăng Long tiền là: 140.388.000.000 đồng. Trong đó:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 9.613.000.000 đồng
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 130.598.000.000 đồng
- Kinh phí khen thưởng: 177.000.000 đồng

Kết quả giải ngân đến ngày 30/6/2025: 32.052.839.958 đồng (đạt 22,8% so với dự toán giao). Trong đó:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 4.220.106.144 đồng, (đạt 43,9% so với dự toán giao)
- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 27.832.733.814 đồng (đạt 21,31% so với dự toán giao)

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động tăng, giảm so với dự toán được giao

- Kinh phí năm trước chuyển sang: Không
- Dự toán hủy bỏ không thực hiện: Không
- Chi sai chế độ phải xuất toán: Không

2. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang: Không

- a) Kinh phí thường xuyên:
 - + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
 - + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
 - + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:
- b) Kinh phí không thường xuyên:
 - + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
 - + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
 - + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể: Không

2.2. Dự toán giao năm nay: 140.388.000.000 đồng

a) Kinh phí thường xuyên: 9.613.000.000 đồng

- DT giao đầu năm: 9.613.000.000 đồng

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: Không

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên: 130.775.000.000 đồng

- DT giao đầu năm: 135.406.000.000 đồng

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: Không

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm: 4.631.000.000 đồng

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể: Không

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm: 32.052.839.958 đồng

- Kinh phí thường xuyên: 4.220.106.144 đồng

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 4.220.106.144 đồng

+ Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi: Không

- Kinh phí không thường xuyên: 27.832.733.814 đồng

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 27.832.733.814 đồng

+ Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi: 0 đồng

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể: Không

2.4. Kinh phí giảm trong năm: Không

- Nguồn NSNN giảm:

2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

a) Kinh phí thường xuyên: 0 đồng

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên: 0 đồng

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể: Không

3. Nguồn viện trợ: Không

3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:



- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:
- Nhận viện trợ chuyển thẳng cho nhà cung cấp:
- Nhận viện trợ khác:

4. Nguồn vay nợ nước ngoài: Không

4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

1. Tình hình thu phí, lệ phí: Không

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú
I	Phí	22.288.715.000	2.228.871.500	20.059.843.500	
1	Phí....				
2	Phí...				
II	Lệ phí (nộp NSNN 100%)				

Trong đó:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi thường xuyên: 20.059.843.500đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi không thường xuyên:.....

2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại

2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên:
- Kinh phí không thường xuyên:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên: 20.000.000.000đồng.

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên: 5.261.719.396đồng
- + Sử dụng phục vụ thu phí:



- + Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:
- Kinh phí không thường xuyên:
- + Sử dụng phục vụ thu phí:
- + Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên:
- Kinh phí không thường xuyên:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

III. Thuyết minh khác: Không



Ngày 30 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Quang



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN
THĂNG LONG HÀ NỘI
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 04 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 2 (6 THÁNG) NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

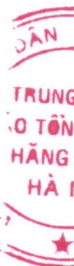
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long Nội công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện đến quý 2 (6 tháng) năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	20.000.000.000	22.288.715.000	111,44	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		5.261.719.396		
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		2.228.871.500		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện đến quý 2 (6 tháng) năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	140.388.000.000	32.052.839.958		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.613.000.000	4.220.106.144	43,9	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130.598.000.000	27.832.733.814	21,31	
1.3	Kinh phí khen thưởng	177.000.000		0	
1.4	Nguồn năm trước chuyển sang				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện đến quý 2 (6 tháng) năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện đến quý 2 (6 tháng) năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (để báo cáo);
- Các phòng ban Trung tâm;
- Lưu VT.

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Quang

